

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Minh Quang.

Bà Hồ Thị Út.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLST - HN&GD ngày 20 tháng 5 năm 2020 vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Lập Đ, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2020, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Vào năm 2018 chị và anh Đào Lập Đ tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do chị chưa đủ tuổi. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, nhưng sau khi sinh con chung ngày 05/9/2019

thì chị và anh Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không còn phù hợp, anh Đ thiếu quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên rượu chè, chị có khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi. Khi mẹ ruột chị mất chị có xin gia đình bên chồng về để tang mẹ nhưng gia đình bên chồng không đồng ý. Chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 cháu tên Lê Ngọc Lam (nữ), sinh ngày 05/9/2019, con chung hiện nay do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 10/6/2020 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn anh Đào Lập Đ trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là đúng. Anh và chị N chung sống với nhau đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa anh, chị N và cha ruột anh có mâu thuẫn nên cha anh có lần đuổi anh và chị N ra khỏi nhà. Anh có nhậu nhưng không thường xuyên, anh thường đi làm thuê nên ít quan tâm gia đình, còn việc mẹ vợ anh mất gia đình anh có ngăn cản việc chị N về chịu tang mẹ vợ hay không thì anh không biết. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N với điều kiện nếu chị N không có điều kiện nuôi con chung thì giao lại cho anh nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị N phải tạo điều kiện cho anh thăm nom, chăm sóc con chung.

Về con chung: Có một cháu Lê Ngọc Lam (nữ), sinh ngày 05/9/2019, con chung hiện nay do chị N nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lê Thị N và anh Đào Lập Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này”*. Thời điểm chị N và anh Đ tổ chức lễ cưới thì không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do chị N chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng sau khi đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chị N và anh Đ vẫn không đăng ký kết hôn nên chị N và anh Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ một con chung tên Lê Ngọc Lam (nữ), sinh ngày 05/9/2019 con chung hiện nay do chị N nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao trực tiếp cho mẹ nuôi...”* cháu Lê Ngọc Lam sinh ngày 05/9/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lam cho chị N nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định.

[7] Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, 28, 35, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Không công nhận chị Lê Thị N và anh Đào Lập Đ là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Ngọc Lam (nữ), sinh ngày 05/9/2019 cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng. Chị N chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Đào Lập Đ không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0000404 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

Nguyên đơn chị Lê Thị N, bị đơn anh Đào Lập Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 26/6/2020.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)  
**Trần Văn Lắm**